

Bản án số: 144/ 2020 /HC-PT  
Ngày: 22/7/2020  
V/v “*Yêu cầu hủy quyết định  
hành chính*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Công Thi**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Tấn Ánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 84/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

\* *Người khởi kiện:* Ông **Bùi Văn C** - sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư **Đình Văn H** – Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

\* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố K; Địa chỉ: số thành phố K, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Văn Đ** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K là: Ông **Nguyễn Xuân N** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K (theo văn

bản ủy quyền ngày 28/10/2019). Vắng mặt

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: Xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Y - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ là: Ông Trịnh Lê V - chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019). Có mặt

+ Bà Lê Thị H - sinh năm 1958; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

+ Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Bùi Văn C

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh Lê Hồng C - sinh năm 1986. Địa chỉ: xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H -sinh năm 1989. Địa chỉ: thành phố K. Vắng mặt

+ Bà Huỳnh Thị Y.

Người được bà Huỳnh Thị Y ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1970. Địa chỉ: Bình Định. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2019, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 31/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Bùi Văn C trình bày:*

Ngày 07/7/2017 ông Bùi Văn C làm đơn khởi kiện và ngày 13/6/2018 có đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2017 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp cho bà Lê Thị H vì:

Năm 2013, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà YT và được Ủy ban nhân dân thành phố K (UBND) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/2013, số BK 097100, sổ vào sổ CH00705, thửa đất số 490, tờ bản đồ số 20, diện tích là 214,5m<sup>2</sup> tại thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Được làm thủ tục giấy tờ đầy đủ. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường quốc lộ 24.

Phía Nam giáp đường đất rộng 04m.

Phía Đông giáp đường đất rộng 3m.

Phía Tây giáp thửa đất số 144.

Năm 2015 ông phát hiện bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp chồng lần 03m đất là đường đi chung, không đúng như trong hồ sơ gốc của ông, lúc ban đầu đất của gia đình ông không liên quan đến đất bà H. Ông đã phản ánh việc này đến Ủy ban nhân dân xã Đ từ năm 2016 nhưng không được giải quyết. Ngày 29/5/2017, ông được Ủy ban nhân dân xã Đ trả lời với nội dung: Nguồn gốc thửa đất của bà Lê Thị H là thửa đất trước đây được cấp cho ông Lê Hồng P năm 1999 nhưng nay đã bị mất nên được cấp lại và được xác minh với bà con trong thôn là đường đất rộng 03m là do bà con tự ý mở đi tắt qua phần đất của gia đình bà Lê Thị H.

Ông nhận thấy cách giải quyết của Ủy ban nhân dân xã Đ là không đúng, vì:

Thửa đất này trước đây được cấp cho ông Lê Hồng P, nay cấp lại cho bà Lê Thị H thì phải làm thủ tục thừa kế và sao lục lại giấy tờ cũ chứ không thể tự tiện dựa vào đơn của bà H để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đã thể hiện giáp đường đất 03m, nay lại lấy con đường đất này cấp cho bà H là không đúng. Do đó ngày 07/7/2017 ông đã làm đơn khởi kiện việc “*tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, vì không đồng ý với bản án dân sự số 11/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum nên ông đã làm đơn kháng cáo đối với bản án trên của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” và quyết định hủy Bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 14/9/2018. Tòa cấp trên yêu cầu giải quyết: Giấy tờ gốc của bà H có dấu hiệu bị tẩy xóa, tờ bản đồ cấp cho ông Lê Hồng P và cấp lại cho bà H không đúng số thửa, không đúng diện tích, người đứng tên đền bù là bà H, người nhận đền bù là ông Lê Hồng C là khác nhau. Một số giấy tờ không được các cơ quan có thẩm quyền kiểm chứng. Yêu cầu xem xét lại các ý kiến như của Tòa án cấp trên.

Do vậy, ông làm đơn khởi kiện lại đối với UBND thành phố K yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 449698 cấp ngày 22/9/2015 của bà Lê Thị H, yêu cầu bà Lê Thị H trả lại con đường đất rộng 03m, dài 32m để làm lối đi chung cho gia đình ông.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố K là ông Nguyễn Xuân Ninh trình bày:* Về nguồn gốc đất của bà Lê Thị H: Đất nhận chuyển nhượng của ông A năm 1993. Ngày 10/12/1999 đất ông Lê Hồng P (Chồng bà H) được cấp thửa đất 97, tờ bản đồ số 5 diện tích 2.883m<sup>2</sup> bao gồm cả đường mòn, phía Tây giáp đất bà YT, không giáp đường mòn. Căn cứ vào biên bản xác minh của các hộ dân đã xác nhận không có con đường 03 m. Căn cứ bản đồ giải thửa năm 1999, thửa đất của gia đình bà Lê Thị H có bao gồm cả

diện tích đường mòn 03m và đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2015 Ủy ban nhân dân thành phố cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H cũng bao gồm con đường này. Nay ông Bùi Văn C tranh chấp diện tích đất đường mòn 03m và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum căn cứ hồ sơ vào chứng cứ để đánh giá không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn C vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P081742 ngày 11/10/1999 cấp cho ông Lê Hồng P cấp trước Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 097100 ngày 08/10/2013 cho ông Bùi Văn C. Việc trên bản đồ địa chính, chính quy năm 2009 thể hiện con đường là đơn vị đo đạc khi xuống hiện trạng đo để lập bản đồ địa chính thấy có con đường dân đi ngang qua đất hộ dân nên nhầm tưởng có con đường nên đã đo vẽ vào bản đồ. Khi cấp giấy chứng nhận cho bà YT và ông Bùi Văn C cũng căn cứ vào bản đồ địa chính 2009 vẽ sai con đường trên giấy chứng nhận của bà YT và ông C. Việc này đã có giải trình của Ủy ban nhân dân xã Đ. Ủy ban nhân dân thành phố K giữ nguyên quan điểm như Công văn 1417 ngày 03/7/2018 việc trên bản đồ địa chính năm 2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn C có thể hiện con đường mòn là do một số hộ dân tự ý đi lại trên đất của gia đình bà H hình thành đường mòn 03 mét.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

\* Ủy ban nhân dân xã Đ: Tại báo cáo số 215 ngày 04/11/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Đ ông Trịnh Lê Văn trình bày:

Về nguồn gốc vị trí đất ông Bùi Văn C:

+ Nguồn gốc thửa đất của ông Bùi Văn C nhận chuyển nhượng từ bà YT, cư trú tại thôn P từ năm 2013.

+ Trong năm 2013 bà YT có làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí số thửa 144 (thửa cũ 99), tờ bản đồ số 20 (tờ bản đồ cũ 5). Trong quá trình xác lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã Đ, đã xác lập theo bản đồ Địa chính năm 2009 tại thửa số 144, tờ bản đồ số 20, trích lục thửa đất đất thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía Đông đất cho bà YT có thể hiện đường mòn là 3m.

+ Đến tháng 9 năm 2013 bà YT có sang nhượng 1 phần diện tích thửa đất cho ông Bùi Văn C; Tại thời điểm sang nhượng thửa đất của ông Bùi Văn C có thể hiện trên trích lục phía Đông lô đất giáp đường mòn 3m.

Nguồn gốc đất bà Lê Thị H:

+ Thời gian năm 1993 gia đình bà Lê Thị H có mua một lô đất của ông A tại thôn P, xã Đ thành phố K.

+ Năm 1999 hộ bà Lê Thị H được công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Hồng P. Theo sổ mục kê và sổ Địa chính được lưu tại Ủy ban nhân dân xã thể hiện diện tích đất của hộ gia đình ông Lê Hồng P được cấp là 2.883m<sup>2</sup>; tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 5 (cũ), số vào sổ P.

081742, số phát hành 00152, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm (ĐRM). Theo bản đồ thể hiện thửa đất giáp với thửa đất số thửa 99 cũ từ bản đồ cũ 5 (cũ), không thể hiện phía Tây của thửa đất giáp đường.

Quá trình quản lý và sử dụng đất của hộ bà Lê Thị H

+ Năm 2013 Thực hiện chủ trương giải phóng mặt bằng công trình đường quốc lộ 24 Nhà nước đã thu hồi 522m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình để làm đường (*thời điểm này gia đình chưa đăng ký cấp lại giấy CN QSD đất*). Phần diện tích thể hiện đường đi theo bản đồ Địa chính tại khu vực thửa số 144, thửa số 145, tờ 20 là đất của hộ gia đình bà Lê Thị H đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*UBND xã đã tổ chức lấy phiếu ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất*); do vậy hộ gia đình đã kê khai và nhận tiền đền bù phần diện tích đất này.

+ Đến tháng 01 năm 2015 hộ bà Lê Thị H (vợ ông Lê Hồng P) làm đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*do ông Lê Hồng P bị chết và giấy CNQSD đất gốc bị mất*).

+ Trong quá trình kiểm tra hiện trạng đất hộ bà Lê Thị H đề nghị kiểm tra lại vị trí đường mòn phía Tây lô đất. Để xác minh lại ý kiến của hộ bà Lê Thị H, ngày 30/1/2015 Ủy ban nhân dân xã Đ phối hợp với thôn P và một số người có liên quan đến nguồn gốc đất.

+ Kết quả xác minh đều thống nhất xác nhận hiện trạng đường mòn 3m phía Đônggiáp đất ông Bùi Văn C là đất của hộ bà Lê Thị H do bà con tự đi tắt ngang. Tại thời điểm này Ủy ban nhân dân xã có mời hộ ông Bùi Văn C tham dự họp nhưng ông C không tham gia.

+ Trong thời gian này bà Lê Thị H đã xác lập hồ sơ để xin cấp lại chứng nhận quyền sử dụng đất; theo số liệu đo đạc của Ủy ban nhân dân xã ngày 30/01/2015 thể hiện diện tích 2008m<sup>2</sup>, sau khi xác nhận hồ sơ xong hồ sơ được chuyển về Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, thành phố K để thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H, với diện tích được cấp lại là 1998,4m<sup>2</sup>.

Đến ngày 03/6/2016 Ủy ban nhân dân xã Đ có tiếp nhận đơn đề nghị của bà Lê Thị H, đề nghị giải quyết việc hộ ông Bùi Văn C đã phá hoại và nhổ cọc rào của hộ gia đình đã rào ranh giới thửa đất.

+ Để hòa giải nội dung đơn đề nghị, ngày 30/6/2016 Ủy ban nhân dân xã Đ phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các ban ngành đoàn thể xã và một số hộ dân có liên quan đến nguồn gốc đất (*bà YT là chủ sang nhượng một phần diện tích đất phía tây cho ông Bùi Văn C*) tổ chức họp theo nội dung đơn đề nghị và xác định lại vị trí đường như ý kiến ông Bùi Văn C.

+ Trong quá trình họp tập thể đều thống nhất đường mòn 3m phía Đôngthửa đất của ông Bùi Văn C là đất của hộ bà Lê Thị H.

+ Riêng ông Bùi Văn C không thống nhất xác định vị trí đường là đất của bà Lê Thị H và không thống nhất ký xác nhận hộ liền kề.

Hiện trạng đến nay sau khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất xong bà Lê Thị H đã sang nhượng một phần diện tích ( $470,8\text{m}^2$ ), diện tích còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tách thành thửa số 602, diện tích  $1527,6\text{m}^2$ .

Khi phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, Ủy ban nhân dân xã đã mời ông C lên làm việc để làm thủ tục chỉnh lý lại giấy chứng nhận, nhưng ông C không chấp hành và không đồng ý.

Ủy ban nhân dân xã khẳng định: Ranh giới giữa đất ông Bùi Văn C và đất bà Lê Thị H là không có đường đi, trên bản đồ cũng thể hiện vị trí đất này không có đường đầu nối với quốc lộ 24.

Giấy chứng nhận của ông P đã mất, tuy nhiên có hồ sơ lưu thể hiện rõ diện tích của ông P đã được cấp giấy chứng nhận năm 1999.

Diện tích đất hộ bà Lê Thị H sau khi thu hồi đến khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp từ năm 1999. Lý do quá trình sử dụng có sự biến động, hiện trạng đất trước đây chưa có ranh giới cụ thể, thời điểm đo cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có rào cụ thể, đến nay thửa đất đã được xây tường rào cố định. Do vậy diện tích mỗi lần đo đạc có sự chênh lệch, việc khác nhau là do đo đạc bản đồ lại.

*\* Tại bản tự khai ngày 09/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị H và anh Lê Hồng C trình bày:*

Vào năm 1993 gia đình bà Lê Thị H có mua một lô đất của ông A tại thôn P, xã Đ thành phố K. Từ khi mua đất cho đến nay, bà Lê Thị H trồng cây công nghiệp, không lấn chiếm đất của ai. Năm 1999 bà Lê Thị H được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích  $2.883\text{m}^2$ . Năm 2013 Nhà nước thu hồi  $522\text{m}^2$  đất để làm đường quốc lộ 24. Sau đó bà Lê Thị H làm lại chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích  $1998,4\text{m}^2$ . Năm 2013, ông Bùi Văn C có mua 05m đất của bà YT mà không có con đường rộng 03m. Thực tế không có con đường mòn rộng 03m nào, con đường đó là đất của gia đình bà, do bà con đi tắt qua mà thành đường mòn. Đất của gia đình tôi được dân làng tại đó thừa nhận. Bà H và anh C đồng ý theo ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố K và Ủy ban nhân dân xã Đ. Khi nhận tiền bồi thường và làm các thủ tục đền bù thì bà Lê Thị H bị đau và đã cho con trai là anh C xây nhà trên đất nên bà cho con trai là Lê Hồng C nhận thay và đứng tên trên các giấy tờ. Bà Lê Thị H và anh Lê Hồng C không đồng ý với yêu cầu của ông Bùi Văn C khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố K về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà.

*\* Ông Vũ Văn Thủ là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M trình bày:* Đồng ý theo ý kiến trình bày của ông Bùi Văn C, tại sao nhà nước lại làm sơ đồ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có con đường thì phải thừa nhận cho chúng tôi.

*\* Bà Nguyễn Thị H trình bày:* Vào cuối năm 2016 bà có mua một lô đất của bà Lê Thị H đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH251338, số vào sổ

CH01398 ngày 24/01/2017 tại thôn P, xã Đ, thành phố K cho bà Nguyễn Thị H. Khi đi mua đất của bà H thì bà H đã xuống xem thực tế không thấy con đường nào như ông C trình bày vì phía trước đã có con đường Quốc lộ 24, phía sau có đường nhựa rộng 08 mét, không ảnh hưởng đến quyền lợi và lối đi của ai. Bà đã được cấp giấy chứng nhận riêng không liên quan đến giấy chứng nhận của bà Lê Thị H nên không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông C và bà H.

*\* Anh Nguyễn Văn T là người được Bà Huỳnh Thị Y ủy quyền trình bày:*  
Vào năm 2018 vợ chồng anh có mua một lô đất của bà Lê Thị H đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1883, số vào sổ CM372784 ngày 13/6/2018 tại thôn P, xã Đ, thành phố K cho bà Huỳnh Thị Y. Khi đi mua đất của bà H thì bà Y đã xuống xem thực tế không thấy con đường nào như ông C khai nhận. Việc ông C khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H gia đình tôi không liên quan gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

*Người làm chứng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người làm chứng bà YT trình bày như sau:

Năm 2013 bà có chuyển nhượng cho ông Bùi Văn C một mảnh đất có diện tích đất theo đúng như Bản cam kết sang nhượng đất có trong hồ sơ, chiều ngang 05m, chiều dài thì bà không nhớ vì lâu quá rồi, diện tích hơn 200m<sup>2</sup>. Bà bán đất cho ông C theo đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Về con đường đất mà ông C đang tranh chấp với bà H, thực tế là con đường này là do bà con tự ý đi trên đất của hộ ông Lê Hồng P để vào lấy nước, chứ từ trước tới nay không có con đường nào hết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thể hiện tại bút lục (361-365): Thực tế trên diện tích đất không có con đường mòn nào, nhưng theo sơ đồ trích lục thửa đất trên giấy chứng nhận của ông C thì có một con đường 03 mét cắt ngang qua đất bà Lê Thị H. Tổng toàn bộ diện tích đo thực tế (Kể cả phần đất bà H đã sang nhượng cho bà Y và bà H) thì đất của gia đình bà Lê Thị H có diện tích là 1944,4 m<sup>2</sup>.

*Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2019 /HC- ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; Điều 356; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 99, Điều 166, Điều 188, Điều 105, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ 30, 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BX 449698 cấp ngày 22/9/2015 cho bà Lê Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019 ông Bùi Văn C kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông C cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đánh giá chứng cứ không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và chưa giải quyết yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị H trả lại con đường đất rộng 3m dài 32 mét cho ông C. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Văn C giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- *Về tố tụng*: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Bùi Văn C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Ông Bùi Văn C khởi kiện cho rằng vào năm 2013 ông C có nhận chuyển nhượng diện tích 214,5 m<sup>2</sup> đất của bà YT, ngày 08/10/2013, ông được UBND thành phố K, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BK 097100, vào sổ số CH00705 tại thửa đất số: 490, tờ bản đồ số: 20, diện tích 214,5 m<sup>2</sup>, tại thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo sơ đồ của thửa đất nêu trên thể hiện phía Đông giáp con đường đất rộng 3m, nhưng năm 2015 ông phát hiện bà Lê Thị H ở tại thành phố K được UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 449698 ngày 22/9/2015 diện tích 1.998,4 m<sup>2</sup> trong đó có cả diện tích con đường có kích thước rộng 3m dài 32 m. Do vậy, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H.

Xem xét nguồn gốc sử dụng đất của bà Lê Thị H thấy rằng: Năm 1993 vợ chồng ông Lê Hồng P và bà Lê Thị H có nhận chuyển nhượng đất của ông A, tại thôn P, xã Đ, thành phố K, đến năm 1999, hộ ông Lê Hồng P được UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P081742 ngày 11/10/1999

diện tích 2.883 m<sup>2</sup>, tại thửa số 97 tờ bản đồ số 5 (cũ). Theo bản đồ thì phía Tây của thửa đất (tức phía Đông thửa đất của ông C) không thể hiện có con đường 3m. Năm 2009 ông P chết, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P bị thất lạc nên đến tháng 01/2015 bà H vợ ông P xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình hộ ông P, bà H sử dụng thì thửa đất nói trên có một số biến động, thay đổi về diện tích, cụ thể, năm 2013 Nhà nước có thu hồi mở đường Quốc lộ 24 (ở phía Bắc thửa đất) diện tích 522 m<sup>2</sup>. Trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà H, UBND xã Đ đã kiểm tra, lấy ý kiến của các hộ dân liên quan thì đều xác định tại vị trí phía Tây thửa đất của bà H không có con đường, lối mòn mà dân tự đi ngang qua thửa đất là diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà H, sau đó thì bà Lê Thị H được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 449698 ngày 22/9/2015. Đến tháng 6/2016, giữa ông Bùi Văn C với gia đình bà H xảy ra tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp, theo ý kiến của những người làm chứng, UBND xã Đ, xem xét hồ sơ địa chính của thửa đất đều xác định diện tích 3m x 32m là thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị H, không có lời khai hoặc tài liệu nào thể hiện có con đường rộng 3m nằm ở phía Tây thửa đất của bà H, do quá trình sử dụng, một số người đã đi băng ngang qua thửa đất của bà H nên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà YT, cơ quan đo đạc đã có sự nhầm lẫn vẽ con đường vào sơ đồ, sau đó bà YT chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn C, cũng đã vẽ lại con đường rộng 3m nằm ở phía đông thửa đất của ông C là không chính xác.

Việc UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm đã nhận định đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ đã thu thập, khắc phục bổ sung theo yêu cầu tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 68/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C không bổ sung hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, theo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên ông Bùi Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST, ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ: Điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 99, Điều 166, Điều 188, Điều 105, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**Xử:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BX 449698 cấp ngày 22/9/2015 cho bà Lê Thị H.

Giữ nguyên quyết định về án phí hành chính sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng: Điều 34, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án, ông Bùi Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, ông C đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002260 ngày 05/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Công Thi**